

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**
Bản án số: 282/2023/HSST
Ngày: 03-8-2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thuởng

Bà Hoàng Thị Nga

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Ninh- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện VKSND thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 278/2023/HSST, ngày 13 tháng 6 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 308/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2023/HSST-QĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Lê Thị Tuyết Ng, sinh năm 1994; Giới tính: Nữ.

HKTT và Nơi ở hiện nay: Số 20/28 đường H, phường T, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T, sinh năm 1974 và bà Vũ Thị H, sinh năm 1974; Có chồng là Vũ Minh D; Có 01 con sinh năm 2020; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/4/2023 đến ngày 23/4/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại; Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Văn D, sinh năm 1999 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 2001 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Người làm chứng:

1. Chị Mong Thị L, sinh năm 2004 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Bản H, xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

2. Chị Trương Thị H, sinh năm 2003 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Bản H, xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12/4/2023, Mong Thị L, sinh ngày 17/01/2003 và Trương Thị H, sinh ngày 20/9/2004 cùng trú tại Bản H, xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An gặp Lê Thị Tuyết Ng tại thành phố H, tỉnh Thanh Hóa. L và H nói với Ng là mới ra thành phố tìm việc làm nhưng chưa có nên muốn bán dâm để có tiền tiêu. Ng liền thuê căn nhà số 18/28 H, phường T, thành phố H của bà Nguyễn Thị Ng với giá 1.000.000đ/1 tháng cho H và L ăn ở, sinh hoạt.

Ng thỏa thuận với L và H nếu có khách mua dâm, được sự đồng ý của Ng thì L và H mới được bán dâm, giá mỗi lần bán dâm là 200.000đ, nếu tính theo giờ thì 400.000đ/1 tiếng. Số tiền bán dâm được, Ng được hưởng 1 nửa nhưng phải bao ăn và nơi ở cho H và L.

Khoảng 23 giờ ngày 19/4/2023, Trần Văn D và Nguyễn Văn H đến gặp H và L hỏi mua dâm. Hai bên thỏa thuận giá 400.000đ. Sau khi thống nhất, D và H sang gặp Ng và được Ng đồng ý thì H bán dâm cho D còn L bán dâm cho H. Khi D, H, L, H đang thực hiện hành vi mua bán dâm tại giường số 2 và số 4 của gian nhà do Ng thuê thì bị Tổ Công tác Công an phường T, thành phố H kiểm tra hành chính phát hiện và lập biên bản vi phạm, thu giữ tang vật gồm: 02 bao cao su đã qua sử dụng lồng vào nhau từ Trần Văn D; 01 bao cao su đã qua sử dụng từ Nguyễn Văn H; 02 bao cao su chưa qua sử dụng nhãn hiệu VIP Condom thu giữ tại bàn.

Đối với số tiền mà Trần Văn D và Nguyễn Văn H thỏa thuận mua bán dâm với H và L 400.000đ/1 tiếng, các đối tượng chưa trả tiền nên không thu giữ được.

Ngày 20/4/2023, Lê Thị Tuyết Ng đã đến Cơ quan CSĐT Công an thành phố H đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đối với bà Nguyễn Thị Ng là chủ nhà, không biết việc Ng thuê nhà để sử dụng chứa mại dâm nên không có căn cứ xử lý.

Đối với hành vi bán dâm của Trương Thị H và Mong Thị L, Công an thành phố Thanh Hóa đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Bán dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ.

Đối với hành vi mua dâm của Trần Văn D và Nguyễn Văn H, Công an thành phố Thanh Hóa đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Mua dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ.

Tại cáo trạng số 220/CT-VKS, ngày 11/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa truy tố Lê Thị Tuyết Ng về tội “*Chứa mại dâm*” theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa giữ nguyên Quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 327; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; Tuyên bố bị cáo Lê Thị Tuyết Ng phạm tội “*Chứa mại dâm*”, đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 18 tháng đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đề nghị xử lý vật chứng và án phí.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thanh Hóa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Thị Tuyết Ng khai nhận:

Vào khoảng 23 giờ ngày 19/4/2023, Lê Thị Tuyết Ng đã đồng ý cho Trương Thị H và Mong Thị L bán dâm tại ngôi nhà mà Ng thuê cho các đối tượng thực hiện hành vi bán dâm. Khi H và L đang bán dâm cho Trần Văn D và Nguyễn Văn H thì bị Tổ công tác Công an phường T, thành phố H kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang.

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Quyết định truy tố và lời luận tội của Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận Lê Thị Tuyết Ng phạm tội “*Chứa mại dâm*” theo quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo là người có sức khỏe, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng hám lời nên đã chứa các đối tượng bán dâm tại nơi mình quản lý. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, xâm phạm đạo đức xã hội và nếp sống văn minh, lành mạnh, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần phải xử lý

nghiêm tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra nhằm cải tạo cũng như giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:
Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.
Tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú khai báo hành vi phạm tội. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Bị cáo đã tham gia các phong trào thiện nguyện, ủng hộ quỹ người nghèo và được chính quyền địa phương xác nhận và gửi thư cảm ơn. Bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ sức giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định, bị cáo có đơn xin xác nhận hoàn cảnh khó khăn, xin miễn hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Biện pháp tư pháp: Đối với hành vi “Mua dâm” bị xử phạt hành chính của Nguyễn Văn H và Trần Văn D; Trong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 248 và 249/QĐ-XPHC ngày 01/6/2023, Công an thành phố Thanh Hóa không truy thu số tiền các đối tượng mua dâm là chưa giải quyết triệt để. Do vậy cần truy thu của Nguyễn Văn H số tiền 400.000đ và Trần Văn D số tiền 400.000đ để nộp ngân sách nhà nước.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với số bao cao su thu giữ không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật .
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 327; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị Tuyết Ng phạm tội “*Chứa mại dâm*”.

Xử phạt: Lê Thị Tuyết Ng 18 Mươi tám) tháng tù cho hưởng án treo; Thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Thị Tuyết Ng cho UBND phường T, thành phố H, tỉnh Thanh Hoá giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68; Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải

chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Biện pháp tư pháp: Truy thu số tiền các đối tượng mua dâm để nộp ngân sách nhà nước gồm: Truy thu của Nguyễn Văn H 400.000đ (*Bốn trăm ngàn đồng*); Truy thu của Trần Văn D 400.000đ (*Bốn trăm ngàn đồng*).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy: Hai phong bì niêm phong của Công an phường Tân Sơn, bên trong chứa 03 bao cao su đã qua sử dụng và Hai bao cao su chưa qua sử dụng nhãn hiệu VIP condom.

Các vật chứng và tài sản hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa theo Biên bản giao nhận vật chứng số 189/2023/THA ngày 12/6/2023 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá và Công an thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14. Bị cáo Lê Thị Tuyết Ngọc phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP H;
- Công an TP H;
- Chi cục THA TP H;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đã ký

Trương Thị Anh